TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hồng Khánh và bà Lê Thị Hoàng Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1985; địa chỉ: Tổ C, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048185006150, cấp ngày: 11/8/2021 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công T - sinh năm: 1984; nơi ĐKNKTT: Tổ C, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nơi cư trú: Kiệt A, tổ F, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; số CCCD: 048084001847, cấp ngày: 18/10/2022 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/4/2024, bản tự khai ghi ngày 28/6/2024 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Công T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng vào ngày 04/01/2010 (số đăng ký: 62, quyển số: 02). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại tổ C, thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình sống chung thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T đi làm không chịu về nhà,

không quan tâm chăm sóc vợ con, ông T về nhà bố mẹ đẻ sống riêng từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay, vợ chồng mỗi người sống một nơi và không còn yêu thương nhau nữa. Nay bà L xác định không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài nên Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T.

Về con chung, bà L xác định có 03 con chung tên Nguyễn Diệu Â - sinh ngày: 10/10/2010, Nguyễn Công Thiên Â1 - sinh ngày: 29/4/2012 và Nguyễn Chiêu Â2 - sinh ngày: 07/12/2017. Bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Công Thiên Â1 mỗi tháng 3.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, bà Nguyễn Thị L có thay đổi yêu cầu về nuôi dưỡng con chung, bà đề nghị giao con chung Nguyễn Công Thiên Â1 cho ông Nguyễn Công T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L trực triếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Diệu Â và Nguyễn Chiêu Â2; không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Nguyễn Công T không trình bày ý kiến, không đến Toà án để tham gia tố tụng dù đã được Toà án cấp, tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự thủ tục tố tụng tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án*: Căn cứ các Điều 51, 56, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Công T, giao 02 con chung tên Nguyễn Diệu Â và Nguyễn Chiêu Â2 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Công Thiên Â1 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; không ai cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Buộc bà L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Công T đã tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 62 (quyển số: 02) ngày 04/01/2010. Bị đơn ông Nguyễn Công T hiện đang cư trú tại huyện H, thành phố Đà Nẵng. Do

vậy, Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà L đối với ông T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Công T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên toà, nguyên đơn thay đổi yêu cầu về nuôi dưỡng con chung khi ly hôn. Xét thấy yêu cầu thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung giải quyết*: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Công T là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, giữa hai bên đương sự phát sinh mâu thuẫn nên không tiếp tục sống chung với nhau. Theo bà L khai, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống mỗi người một nơi là do ông T đi làm không chịu về nhà, không quan tâm chăm sóc vợ con, ông T về nhà bố mẹ đẻ sống riêng từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn đang cư trú vào ngày 26/6/2024 thể hiện ông T sống một mình cùng bố mẹ, không có vợ con sống chung. Như vậy, lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, sự mâu thuẫn giữa hai bên là đúng sự thật.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà L kiên quyết xin được ly hôn, còn ông T không đến Tòa án, điều này thể hiện bị đơn không còn mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định đời sống hôn nhân của các đương sự đã thực sự lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L ly hôn ông T, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

[6] *Về nuôi dưỡng con chung*: Bà L và ông T có 03 con chung. Hiện nay bà L đang trực tiếp chăm sóc và các con chung phát triển bình thường. Bà L mong muốn được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Diệu Â - sinh ngày: 10/10/2010 và Nguyễn Chiêu Â2 - sinh ngày: 07/12/2017 khi ly hôn, giao con chung tên Nguyễn Công Thiên Â1 - sinh ngày: 29/4/2012 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, vì bà L không đủ khả năng để chăm sóc cả 03 con chung. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển của các con chung, phù hợp với điều kiện kinh tế của mỗi bên đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L về nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, đúng với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Bà L và ông T không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8] *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản đối với bên thứ ba*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Trường hợp sau này có tranh chấp thì các bên được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác để giải quyết.

[9] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Công T về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L ly hôn ông Nguyễn Công T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Diệu Â - sinh ngày: 10/10/2010 và Nguyễn Chiêu Â2 - sinh ngày: 07/12/2017 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao con chung tên Nguyễn Công Thiên Â1 - sinh ngày: 29/4/2012 cho ông Nguyễn Công T trực tiếp nuôi dưỡng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002035 ngày 19/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/8/2024). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hoà Vang;
- CCTHADS huyện Hoà Vang;
- Đương sự;
- UBND phường Hoà Thọ Đông, quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn